

Bản án số: 73/2020/HS-ST

Ngày 07 – 8 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Th

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thanh

Ông Lê Phi Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đào Nh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn T (tên gọi khác: Sinh), sinh năm 1994 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận, nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 và bà Phan Thị B, sinh năm 1970; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 13/3/2020 - Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm (có mặt)

2. Phan Thị Th, sinh năm 1998 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận, nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 và bà Phan Thị B, sinh năm 1970; chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

Bị hại: Bà Lê Như Thanh Nh, sinh năm 1974. Nơi cư trú: khu phố 3, phường P, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận. (Có đơn xét xử vắng mặt)

2. Anh Trương Tấn V, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Kim Th, sinh năm 1970. Nơi cư trú: khu phố 3, phường P, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận. (Có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 04/3/2020, Phan Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu đen, biển số: 85B1- 679.66 từ nhà lên khu K1 để tìm việc làm. Khi đi đến đoạn đường Lê Thánh Tôn, gần quán cà phê 68, T phát hiện ông Nguyễn Kim Th – sinh năm 1970 chở vợ là bà Lê Như Thanh Nh – sinh năm 1974 cùng trú tại khu phố 3, phường P, thành phố Ph đang đi cùng chiều, trong túi áo khoác bên phải của bà Nh có để lộ ra một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, IMEI: 354392062280758, T nhìn thấy và nảy sinh ý định cướp giật tài sản của bà Nh nên T đã điều khiển xe của mình bám theo sau xe của vợ chồng bà Nh.

Khi đi đến đường Trần Quốc Th, qua quán ăn Thủy Mộc khoảng 30 mét, T rẽ phải vào đường bê tông rồi dừng xe, bóc miếng giấy bạc trong hộp vỏ thuốc là 555 dán che đi 03 số cuối của biển số xe để khỏi bị phát hiện; Sau đó T tiếp tục bám theo xe của vợ chồng bà Nh. Khi đi đến đoạn đường Phạm Hùng thuộc khu phố 1, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thấy đoạn đường vắng người nên T tăng ga vượt từ sau lên, áp sát phía bên phải bà Nh, dùng tay trái giật lấy điện thoại Iphone 6 Plus để trong túi áo phải của bà Nh rồi tăng ga bỏ chạy theo hướng ra xã Thành Hải. Sau đó, T đi tắt theo kênh mương Chà Là về nhà ở khu phố 3, phường Văn Hải.

Khi về nhà, T thấy điện thoại Iphone 6 Plus không khóa màn hình và thấy hối hận về hành vi của mình nên T kể lại vụ việc vừa cướp giật được cho Phan Thị Th (em gái của T) và đưa điện thoại cho Th, nhờ Th trả cho bị hại thì Th đồng ý nhưng sau đó Th lại không trả cho bị hại.

Khoảng 11 giờ ngày 05/3/2020, do nảy sinh lòng tham, Th sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, số sê – ri: F2LQM66PGRX4 của mình vào trang Facebook rao bán chiếc điện thoại của bà Nh. Sau đó Th đã bán cho anh Trương Tấn V – sinh năm 1992, trú tại Mỹ Tường 1 – Nhơn Hải – Ninh Hải – Ninh Thuận với số tiền là 2.500.000 đồng. Số tiền này Th vẫn chưa tiêu xài và đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, Phan Văn T và Phan Thị Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá số 26 ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, IMEI: 354392062280758 có giá trị là 3.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng đồng, IMEI: 54392062280758. Đây là tài sản của bà Lê Như Thanh Nh nên Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho bà Nh.

- 01 xe mô tô hiệu Exciter, biển số 85B1- 679.66, số máy: G3D4E864111, số khung: RLCUG1010KY097678 là tài sản của anh Bùi Văn Đ – sinh năm 1999 trú tại Khu phố 3, phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cho Phan Văn T mượn để đi công việc. Anh Đ không biết T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại chiếc xe nói trên cho anh Đ.

- Số tiền 2.500.000 đồng, đây là số tiền của anh Trương tấn V dùng để mua điện thoại do Th bán. Khi mua điện thoại, anh V không biết nguồn gốc điện thoại này là do cướp giật mà có, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự và trả lại số tiền 2.500.000 đồng cho anh V .

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số sê-ri: F2LQM66PGRX4, đây là tài sản của Phan Thị Th . Th đã sử dụng để thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản mà T cướp được, Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Cáo trạng số: 74/CT – VKSPR ngày 29/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Thị Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số sê-ri: F2LQM66PGRX4.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang – Tháp Chàm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo Phan Thị Th phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với bị cáo Phan Văn T: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Đối với bị cáo Phan Thị Th : Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

- Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số Sê-ri: F2LQM66PGRX4.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/7/2020 bị hại bà Lê Như Thanh Nh trình bày: Hiện bà đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì; đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo Th ; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/7/2020 người làm chứng ông Nguyễn Kim Thanh trình bày: Ông vẫn giữ nguyên lời khai của mình tại bản khai ngày 29/7/2020; ông đề nghị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị cáo Phan Văn T, Phan Thị Th không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Phan Văn T, Phan Thị Th nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt; Tuy nhiên lời khai của những người vắng mặt tại Cơ quan điều tra đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo Phan Văn T: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 8 giờ ngày 04/3/2020, trên đường Phạm Hùng thuộc khu phố 1, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang – Tháp

Chàm; T đã có hành vi sử dụng xe mô tô hiệu Exciter, biển số 85B1- 679.66 làm phương tiện, áp sát xe mô tô do ông Nguyễn Kim Thanh điều khiển chở theo bà Lê Như Thanh Nh rồi nhanh chóng, bất ngờ dùng tay trái chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, màu vàng đồng để trong túi áo phải của bà Nh rồi tăng ga tẩu thoát. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá 3.000.000 đồng.

Khi phạm tội, bị cáo T sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Phan Thị Th : Tại phiên tòa, bị cáo Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Ngày 04/3/2020 sau khi bị cáo T chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của bà Nh đã nhờ Th trả lại cho bị hại. Mặc dù biết rõ điện thoại là do T cướp giật được nhưng do nẩy sinh lòng tham nên khoảng 11 giờ ngày 05/3/2020, Th đã bán chiếc điện thoại nêu trên cho anh Trương Tấn V với số tiền 2.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Phan Văn T, Phan Thị Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo T: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức hành vi của mình là phạm tội nhưng vì động cơ tư lợi, lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thiệt hại bị cáo gây ra không lớn; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét chuyển khung hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Th : Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà nên áp dụng hình phạt tù có điều kiện cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giúp đỡ, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Như Thanh Nh đã nhận lại tài sản và

không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng đồng, IMEI: 354392062280758 cho bà Lê Như Thanh Nh, phù hợp quy định của pháp luật; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô hiệu Exciter, biển số 85B1 – 679.66, số máy G3D4E864111, số khung: RLCUG1010KY097678; quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Văn Đ. Khi cho T mượn xe, anh Đ không biết T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội; Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cho anh Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng của anh Trương Tấn V dùng để mua điện thoại do Th bán. Khi mua anh V không biết nguồn gốc điện thoại do cướp giật mà có, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự và trả lại số tiền trên cho anh V là phù hợp quy định pháp luật; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với điện thoại Iphone 6 Plus màu hồng, số seri F2LQM66PGX4; đây là chiếc điện thoại mà bị cáo Th sử dụng để thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do T cướp giật được; nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; quan điểm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Phan Văn T, Phan Thị Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: Sinh) phạm tội “Cướp giật tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: Sinh) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2020.

Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Văn T để bảo đảm thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Th phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/8/2020)

Giao bị cáo Phan Thị Th cho Ủy ban nhân dân phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số máy: MKTU2LL/A, số Sêri: F2LQM66PGRX4.

(Vật chứng nêu trên được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phan Văn T, Phan Thị Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an TP. PR-TC;
- CQTHAHS Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Nguyễn Thanh Th

